

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/DS - ST

Ngày 16 - 10 - 2025

V/v “*Tranh chấp kiện
đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Lê Văn Chi

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa

Ngày 16 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2025/TLST - DS, ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2025/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 9 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn A - sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K - sinh năm: 1960; bà Võ Thị T - sinh năm: 1962; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh An Giang.

(Ông A, ông K có mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày: Vào ngày 20/02/2018 vợ chồng ông K, bà T có hỏi mượn của ông 20 chỉ vàng 24K (loại 9999) để mua máy gặt đập liên hợp. Đến năm 2019, vợ chồng ông K - bà T trả cho ông 05 chỉ vàng 24K, còn lại 15 chỉ vàng 24K hẹn đến năm 2020 thì trả dứt. Từ đó đến nay ông nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông K - bà T trả số vàng trên vợ chồng

ông K nói khi nào có thì trả. Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông K - bà T trả cho ông 1 chỉ vàng 24K (loại 9999).

Tại biên bản làm việc ngày 29/8/2025 và tại phiên tòa ông K - bà T trình bày:
Ông - bà thừa nhận vào năm 2013 có hỏi vay 20 chỉ vàng 24K (loại 9999) của ông Ấ, đóng lãi 100.000 đồng/chỉ/tháng. Đến năm 2019 bán đất trả cho ông Ấ 05 chỉ vàng 24K, còn lại 15 chỉ vàng 24K có hứa trả vào năm 2020 nhưng do làm ăn thua lỗ cho nên không trả được. Hiện tại ông - bà tuổi cao, sức yếu không còn lao động được và không có thu nhập gì khác, xin trả dần từng vụ lúa theo khả năng đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Ông Ấ khởi kiện yêu cầu ông K - bà T phải trả 15 chỉ vàng 24K (loại 9999). Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Bà Võ Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Xét thấy việc vắng mặt của bà T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung:

{2.1} Ông Nguyễn Văn Ấ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn K - bà Võ Thị T trả cho ông 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9999).

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ấ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận với nhau là ông Ấ có cho vợ chồng ông K - bà T vay 20 chỉ vàng 24K (loại 9999), về mặt thời gian vay các đương sự trình bày không thống nhất với nhau. Vợ chồng ông K - bà T đã trả cho ông Ấ 05 chỉ vàng 24K, còn lại 15 chỉ vàng 24K chưa trả cho ông Ấ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ấ đồng ý cho vợ chồng ông K - bà T trả làm hai lần số vàng trên nhưng ông K cho rằng vợ chồng ông hiện tại rất khó khăn về kinh tế, không có khả năng trả hai lần, khi nào vợ chồng ông có vàng thì trả dần đến khi dứt nợ. Cách trả của vợ chồng ông K không được ông Ấ đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng việc vay nợ giữa hai bên đã công nhận với nhau, ông K - bà T cũng hứa hẹn sẽ trả cho ông Ấ 15 chỉ vàng 24K vào năm 2020 nhưng cho đến nay vẫn chưa trả cho ông Ấ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ông Ấ khởi kiện đối với ông K - bà T là hoàn toàn có

căn cứ và phù hợp với quy định khoản 4 Điều 11, Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên xử buộc ông K - bà T trả cho ông A 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9999).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận nên hoàn lại số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 103 ngày 10/6/2025 Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Nay là phòng thi hành dân sự khu vực 5 - An Giang).

Ông K - bà T phải chịu án phí dân sự giá ngạch; nhưng ông - bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên miễn toàn bộ án phí cho ông K – bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm đ Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với ông Nguyễn Văn K - bà Võ Thị T.

2. Buộc ông Nguyễn Văn K - bà Võ Thị T trả cho ông Nguyễn Văn A 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9999).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

H lại cho ông Nguyễn Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 103 ngày 10/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Nay là phòng thi hành dân sự khu vực 5 - An Giang).

Ông K - bà T phải chịu án phí dân sự giá ngạch; nhưng ông - bà là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên miễn toàn bộ án phí cho ông K – bà T.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày: Ông A, ông K được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 16/10/2025). Bà T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trình hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực, tỉnh
- Phòng THADS;
- Đường sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên